

第1轮, 第1台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 02/08/2018 轮次 Round: 1 台次 Board: 1

白方 White Enkh-Uyanga 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1199

黑方 Black Uraungoo 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	e5
2	Kf3	Kc6
3	d4	ed
4	Kd4	Ce5
5	Ce3	Qf6
6	c3	a5
7	Cc4	Kg07
8	0-0	0-0
9	Kc6	Qc6
10	Cc5	Qc5
11	Qd4	Qd4
12	cd	d6
13	Kc3	Cd7
14	Nad1	Nf8
15	e5	Kg6
16	f4	de
17	fe	Ce6
18	Kd5	lac8
19	h3	c6
20	KB6	Cc4
21	Kc4	Ned8
22	Ka5	Ne7
23	Kc4	B5
24	Kd6	h6
25	h1	F6
26	eF	gF
27	Nf6	Kg7
28	Lc6	le1
29	Kf2	ld1
30	Kf5+	KPh7

	White	Black
31	le7	KPh8
32	lgb	ld2
33	KPe3	LB2
34	lh6	KPg8
35	lg7	KPf8
36	lh8	
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 	黑方 Black Uraungoo
裁判 Arbiter 刘自新	



第1轮 第1台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 20181812 轮次 Round: M. 7. 台次 Board: 1
 白方 White URANGOO 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 1199
 黑方 Black Sha-Yanruo 国籍 Federation MGL 等级分 Rating 0

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
G8

	White	Black		White	Black		White	Black
1	e4	e5	31	Tc7	Hh8	61		
2	Mf3	Mc6	32	M7p96	Tpd2+	62		
3	d4	e4	33	Hc3	Tp d2	63		
4	Md4	Tc5	34	Tph6+	Hg8	64		
5	Tp3	Bf6	35	Tp97	Hf8	65		
6	c3	A5	36	Tph8#		66		
7	Tc4	Me7	37			67		
8	O-O	O-O	38			68		
9	Mc6	Bc6	39			69		
10	Tc5	Bc5	40			70		
11	Bd4	bd4	41			71		
12	c2	d6	42			72		
13	Mc3	Td7	43			73		
14	TpAd1	TpFe8	44			74		
15	e5	Hg6	45			75		
16	f4	d7	46			76		
17	f7	Tc6	47			77		
18	Md5	TAc8	48			78		
19	A3	C6	49			79		
20	Mb6	Tc4	50			80		
21	Mc4	TpCb8	51					
22	Md5	TpCe7	52					
23	Mc4	b5	53					
24	Md6	b6	54					
25	TpC7	f6	55					
26	ef	gf	56					
27	TpF6	Hh7	57					
28	TpCb	TpE1+	58					
29	Hf2	Tpd1	59					
30	Mf5	Hh7	60					

签名 Signature:

白方 White E	黑方 Black Yan, L URANGOO
----------------------	---------------------------------------

裁判 Arbiter

刘自如



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship

第1轮, 第2台



20

日期 Date: 8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 2
 白方 White 刘天仪 国籍 Federation 等级分 Rating
 黑方 Black Rachel 国籍 Federation 等级分 Rating

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black		White	Black		White	Black
1	d4	d5	31	Nd4	RaC8	61		
2	C4	dc	32	RC2	b6	62		
3	e4	e6	33	RdC1	Ne7	63		
4	Bc4	Nc6	34	Kf1	RC7	64		
5	Nf3	Bb4	35	Nb5	RC8	65		
6	Nc3	Nf6	36	Nd6	RC7	66		
7	e5	Nd5	37	Nb5	RC8	67		
8	Bd5	Qd5	38	Nd6	RC7	68		
9	0-0	Qd8	39	Nb5	Rd7 Rb7	69		
10	Be3	Qd7	40	Nd6	RC7	70		
11	a3	Ba5	41	Nb5	RC8	71		
12	RC1	Qe7	42	Nd6	Ra8	72		
13	b4	Aa Bb6	43	b5	Cb	73		
14	Na4	f6	44	RC7	Rd8	74		
15	Nc5	fxe5	45	Nb7	RC8	75		
16	de5	Qf7	46	Nd6	Rd8	76		
17	Qd2	Nb8	47	Nb7	RC8	77		
18	Qd2	Bb5 Nd7	48	Nd6	Rd8	78		
19	Bg5	h6	49	Nb7	RC8	79		
20	Be3	Bb5	50	Nd6	Rd8	80		
21	RC5	Q C6	51	Nb7	RC8			
22	Qd6	Qe7	52					
23	Qe7	Ke7	53					
24	RC2	Rd8	54					
25	Bf4	Kf8	55					
26	h3	Kg8	56					
27	RCc1	Rf8	57					
28	Bg3	Nb6	58					
29	Nd4	Nd5	59					
30	RC5	Bd7	60					

签名 Signature:

白方 White Liu Tian yi	黑方 Black 刘天仪
----------------------------	-----------------

裁判 Arbiter
刘白茹



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



第1轮, 第2轮

日期 Date: 8月2日 轮次 Round: 1 台次 Board: 2
 白方 White: 刘天仪 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: Rachel 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

组别 Group
98

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	d4	d5
2	c4	dc
3	e4	cb
4	Bc4	Nc6
5	Nf3	Bb4
6	Nc3	Nf6
7	e5	Nd6
8	Bd5	Qd5
9	O-O	Qd8
10	Be3	Qd7
11	a3	Ba5
12	Rc1	Qe7
13	b4	Bb6
14	Na4	f6
15	Nc6	fe
16	fe	Qf7
17	Qd2	Nb8
18	Rfd1	Nd7
19	Bg5	N6
20	Be3	Bc5
21	Rc5	cb
22	Qd6	Qe7
23	Qe7	Kf7
24	Rc2	Rd8
25	f4	Kf8
26	h3	kg8
27	Rcc1	Rf8
28	Bg3	Nb6
29	Nd4	nd5
30	Rc5	Bd7

	White	Black
31	Rcc1	Ra8
32	Rc2	b6
33	Rdc1	Ne7
34	Kf1	Rc7
35	Nb5	Rcc8
36	Nd6	Rc7
37	Nb5	Rc8
38	Nd6	Rc1
39	Nb5	Rb7
40	Nd6	Rc7
41	Nb5	Rc8
42	Nd6	Rc8
43	b5	cb
44	Rc7	Rd8
45	Nb7	Rc8
46	Nd6	Rd8
47	Nb7	Rdc8
48	Nd6	Rc8
49	Nb7	Rdc8
50	Nd6	Rd8
51	Nb7	Rdc8
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White Liu Tian yi	黑方 Black 陈逸林
裁判 Arbiter 刘自如	



第3台, 第1轮

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 8月2日 轮次 Round: 1 台次 Board: 3
 白方 White: Yufei 国籍 Federation: SGP 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: 解凌清 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____
 结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

组别 Group: 女G8 G8

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nf6
3	Bc4	Bb4
4	a3	Bc5
5	Bc4	Nf6
6	d4	ed
7	cd	d6
8	e5	Na5
9	Ba2	Qe7
10	o-o	o-o
11	Ad6	Qd6
12	Na3	Qc6
13	Bd2	d6
14	Nh3	Reg
15	Bd2	
16	Re1	Bf5
17	Bf4	Nh5
18	Bh2	Re1
19	Qe1	Reg
20	Qd2	Nf6
21	Ret	Ne4
22	Nc4	Bd4
23	Qd5	Bf3
24	Reg	Qe8
25	Beb	fe6
26	Qc7	h6
27	Bd6	Kh7
28	Qee	kl1
29	Qb7	Kf6
30	Qa7	Kf5

	White	Black
31	ff6	
32	ff7	
33	D5	Kg5
34	D4	
35		
36		
37		
38	Qf7	Kh4
39	Be7	g5
40	Rh8	e5
41	Rh6#	
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black
陈雨菲	解凌清
裁判 Arbiter	
刘自如	



第3台, 第1轮

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 1月2日 轮次 Round: 1 台次 Board: 3

白方 White yu fei 国籍 Federation SGP 等级分 Rating 0

黑方 Black xie chung 国籍 Federation CHN 等级分 Rating 0

组别 Group
女 U18

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	e4	e5
2	Nf3	Nc6
3	Bc4	Bb4
4	h3	Ba5
5	c3	Nf6
6	d4	exd4
7	cxd4	Bd6
8	e5	Na5
9	Ba2	Qe7
10	0-0	0-0
11	exd6	Qxd6
12	Nc3	Qc6
13	Bd2	d6
14	h3	fe8
15	Re1	Bf5
16	Bf4	Nh5
17	Bh2	Rxc1
18	Qxe1	Re8
19	Qd2	Nf6
20	Re1	Ne4
21	Nxe4	Bxe4
22	Qxa5	Bxf3
23	Rxe8	Qxe8
24	Qxf3	Qe6
25	Bxe6	fxe6
26	Qxc7	h3
27	Bxd6	Kh7
28	Qxb7	Kg6
29	Qe4+	Kf7
30	Qb7	Kf6

	White	Black
31	Qxa7	Kf5
32	h4	Kf6
33	b5	Kf7
34	h6	Kf5
35	b7	Kg5
36	h6	Kg5
37	Qe4	Kh5
38	Qf7+	Kh4
39	Be7	g5
40	Rh8	e5
41	Rxh6#	
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>陈雨菲</u>	黑方 Black <u>解宇清</u>
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

刘自如



第1轮, 第4台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 4

白方 White Xue Tianhao 国籍 Federation china 等级分 Rating 0

黑方 Black Eneral 国籍 Federation Mongolia 等级分 Rating 0

组别 Group
U8 G8

结果 Result: 1-0 0-1 ½-½

	White	Black
1	e4	c5
2	d4	cd
3	c3	Nc6
4	cd	d6
5	Nf3	Nf6
6	Nc3	Bg4
7	Bc4	g6
8	00	Bg7
9	Be5	00
10	Rc1	Rc8
11	Re1	Bf3
12	Qf3	Nd4
13	Bc4	Rc4
14	Be5	ab
15	h3	Nd7
16	Rd1	Ne5
17	Qd2	Qa5
18	Rd5	Bc7
19	Rcd1	Nd7
20	R1d2	Bc3
21	b6	Rc3
22	Bh6	Rc3
23	Rg5	Rc1
24	Kh2	d5
25	g3	de
26	Nb6	ad5
27	Rc2	Rd3
28	e5	-
29	Re5	Rd2
30	Qf2	Qd5

	White	Black
31	Rf3	Qd4
32	d4	Rc2
33	Kb1	Rc3
34	Kg2	Rc2
35	Kg1	Qd4
36	Kh1	Qd5
37	g4	Ne5
38	Qd4	Ng3
39	Kg1	Ne2
40	Kg2	Nd4
41	Kf1	Qf3
42	Kg1	Qg2
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>Xue</u>	黑方 Black <u>Eneral</u>
裁判 Arbiter <u>刘自如</u>	



第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2016.8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 4
 白方 White: 薛添好 国籍 Federation: 中国 等级分 Rating: _____
 黑方 Black: ? 国籍 Federation: _____ 等级分 Rating: _____

组别 Group: U8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	c4	c5
2	d4	cd4
3	e3	Nc6
4	cd4	d6
5	Nf3	Nf6
6	Nc3	Bg4
7	Bc4	g6
8	O-O	Bg7
9	Bb3	O-O
10	Rc1	Rc8
11	Re1	Bf3
12	Qf3	Nf4
13	Bd4	Rc4
14	Bxe3	ab
15	h3	Nd7
16	Red1	Ne5
17	a2	Qa5
18	ed5	Qc7
19	Rcd1	Nd7
20	Rid2	Bc3
21	bc3	Rc3
22	Bb6	Rc8
23	Rg5	Rc1
24	Kh2	d5
25	g3	de4
26	Qg4	Nf6
27	Qd4	Rc2
28	Rd3	e5
29	Re5	Rf2
30	Qf2	Qf5

	White	Black
31	Rf3	Qe4
32	Qf4	Rc2
33	Kh1	Rc3
34	Kg2	Rc2
35	Kg1	Qd5
36	Kh1	Ne4
37	g4	Ne4
38	Qb1	Ng3
39	Ks1	Ne2
40	Kg2	Nd4
41	Kf1	Qf3
42	Kg1	Qg2
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>薛添好</u>	黑方 Black <u>[Signature]</u>
------------------------	--------------------------------

裁判 Arbiter

刘白茹



白方没来.

第5台, 第1轮

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛 3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.7.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 5
 白方 White _____ 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0
 黑方 Black 曾峪欣 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0

组别 Group
G8

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2 - + ✓

	White	Black
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		

	White	Black
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White	黑方 Black <u>曾峪欣</u>
裁判 Arbiter <u>刘白茹</u>	



白方没到

第6台, 第15台

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.8.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 6
 白方 White 赵芸卿 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____
 黑方 Black 郭诗然 国籍 Federation 中国 等级分 Rating _____
 结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

组别 Group
G08 女F

	White	Black
1	Nf3	d5
2	g3	c5
3	Bg2	Nc6
4	d4	Nf6
5	o-o	cd
6	Nd4	e5
7	Nc6	bc
8	c4	Bb6
9	Nc3	Be7
10	Bg5	e4
11	Qa4	Qd7
12	Rad1	Rd8
13	Bt6	Bt6
14	Ne4	Bb2
15	Na5	Qc7
16	cd	Bt5
17	Qb6	Qc6
18	dc	o-o
19	e4	Bc8
20	Bt3	Re8
21	Na4	Be5
22	Rd5	Bc7
23	Nc5	Bb6
24	Rfd1	h6
25	Kg2	g5
26	h3	Kg7
27	Nd7	Bc7
28	Rd4	f6
29	Bg4	Rh8
30	Nt6	Rd4

	White	Black
31	Nh5	Kg6
32	Rd4	Bb6
33	Rdb	Kh7
34	Bt5	Bt5
35	e4	Rt8
36	g4	Bc5
37	Rd7	Kh8
38	c7	Bb6
39	Nt6	Rt6
40	c8=Q	Bd8
41	Qd8	Rt8
42	Qf8# 1-0	
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White <u>赵芸卿</u>	黑方 Black <u>郭诗然</u>
------------------------	------------------------

裁判 Arbiter

刘白茹



第6台, 第1轮

第三届·东亚国际象棋青少年锦标赛

3rd Eastern Asia Youth Chess Championship



日期 Date: 2018.2 轮次 Round: 1 台次 Board: 6
 白方 White 赵芸卿 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0
 黑方 Black 郭诗然 国籍 Federation 中国 等级分 Rating 0

组别 Group
G8 女F

结果 Result: 1-0 0-1 1/2-1/2

	White	Black
1	Nf3	d5
2	O3	c5
3	Bd2	Nc6
4	d4	Nf6
5	O-O	cd
6	Nd4	e5
7	Nc6	bc
8	C4	Be6
9	Nc3	Be7
10	Bb5	e4
11	Qd4	Qd7
12	Rd1	Rd8
13	Bf6	Bf6
14	Ne4	Bb2
15	Nc5	Qc7
16	Cd	Bf5
17	Qc6	Qc6
18	dc	O-O
19	e4	Bc8
20	Bf3	Rf8
21	Nd4	Bc5
22	Rd5	Bc7
23	Nc5	Bb6
24	Rpd1	h6
25	Kg2	Q5
26	h3	Kg7
27	Nd7	Bc7
28	R5d4	f6
29	Bg4	Rh8
30	Nf6	Rd4

	White	Black
31	Nh5	Kg6
32	Rd4	Bb6
33	Rd6	Kh7
34	Bf5	Bf5
35	ef	Rf8
36	g4	Bc5
37	Rd7	Kh8
38	c7	Bb6
39	Nf6	Rf6
40	C8=Q	Bd8
41	Qd8	Rf8
42	Qf8#	
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		

	White	Black
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		

签名 Signature:

白方 White 赵芸卿	黑方 Black 郭诗然 郭诗然
裁判 Arbiter 刘白茹	

